Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-31 09:37:56 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 289/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 66/2020/QH14;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13; Luật số 97/2015/QH13; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 44/2019/QH14; Luật số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14; Luật số 23/2023/QH15; Luật số 103/2025/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định

a) Thủ tục kiểm soát; kiểm tra, giám sát; cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên, Giấy phép xuống tàu và Giấy phép; quản lý, kiểm soát hoạt động liên

quan đến an ninh, trật tự của người Việt Nam, người nước ngoài, tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền mang cờ quốc tịch nước ngoài (sau đây viết chung là tàu thuyền nước ngoài) và các loại phương tiện khác của Việt Nam, nước ngoài tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý bao gồm cảng Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang (sau đây viết gọn là cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý);

b) Trách nhiệm của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng trong công tác quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

2. Hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, tàu thuyền và các loại phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài ra, vào, hoạt động tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

2. Nghị định này không áp dụng đối với người sử dụng và được chuyên chở bằng tàu thuyền và các loại phương tiện khác ra, vào, hoạt động tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công an cửa khẩu cảng là đơn vị chuyên trách thuộc Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh, quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý bao gồm: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Hải quan cửa khẩu, Công an cửa khẩu cảng, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật.

3. Thủ tục kiểm soát tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, yêu cầu, điều kiện người làm thủ tục và Công an cửa khẩu cảng phải thực hiện để giải quyết cho người, tàu thuyền Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa; người, tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tại cửa khẩu cảng.

Thủ tục kiểm soát tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý bao gồm thủ tục nhập cảnh, thủ tục xuất cảnh, thủ tục quá cảnh, thủ tục chuyển cảng đi và thủ tục chuyển cảng đến.

4. Thủ tục kiểm soát thực hiện theo cách thức điện tử là việc người làm thủ tục và Công an cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục kiểm soát thông qua các bản

khai điện tử.

5. Thủ tục kiểm soát thực hiện theo cách thức thủ công là việc người làm thủ tục và Công an cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục kiểm soát thông qua các bản khai giấy.

6. Kiểm tra, giám sát tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý là việc Công an cửa khẩu cảng tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xem xét, đánh giá, xác định tính hợp lệ, hợp pháp của các loại giấy tờ và hoạt động của người, phương tiện ra, vào cửa khẩu cảng để duy trì pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật tại cửa khẩu cảng.

7. Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định này là loại giấy tờ do Công an cửa khẩu cảng cấp, cho phép người Việt Nam, người nước ngoài được xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài được xuống tàu thuyền Việt Nam neo đậu tại cảng thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan; người Việt Nam, người nước ngoài điều khiển phương tiện cập mạn tàu thuyền nước ngoài; thuyền viên nước ngoài được nghỉ qua đêm trên bờ hoặc xuống các tàu thuyền khác đang neo đậu tại cảng.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
THỦ TỤC KIỂM SOÁT

Điều 4. Áp dụng thủ tục kiểm soát đối với tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

1. Tàu thuyền nhập cảnh, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền nhập cảnh khi vào khu vực biên giới biển Việt Nam phải làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu cảng đầu tiên nơi tàu thuyền đến.

2. Tàu thuyền nước ngoài xuất cảnh, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền nước ngoài xuất cảnh, trước khi rời khỏi biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam, phải làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu cảng cuối cùng nơi tàu thuyền đi.

3. Tàu thuyền Việt Nam xuất cảnh, thuyền viên, hành khách đi trên tàu thuyền Việt Nam xuất cảnh, trước khi rời khỏi vùng biển Việt Nam, phải làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu cảng cuối cùng nơi tàu thuyền đi.

4. Tàu thuyền quá cảnh phải làm thủ tục quá cảnh khi vào khu vực biên giới biển Việt Nam.

Trong thời gian quá cảnh, trên đường hành trình quá cảnh, thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm quản lý thuyền viên, hành khách, hàng hóa trên tàu

thuyền, giữ nguyên trạng thái niêm phong và hồ sơ xuất nhập cảnh; không được để người xuống tàu thuyền, rời tàu thuyền, phương tiện cập mạn tàu thuyền và thực hiện các hoạt động khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép, trừ cán bộ, nhân viên, phương tiện của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, hoa tiêu, người làm thủ tục thực hiện nhiệm vụ và nhân viên y tế xuống tàu cấp cứu cho thuyền viên, hành khách.

5. Tàu thuyền chuyển cảng phải làm thủ tục chuyển cảng đi trước khi rời một cửa khẩu cảng để di chuyển đến một cửa khẩu cảng khác của Việt Nam; thủ tục chuyển cảng đến khi đến một cửa khẩu cảng từ một cửa khẩu cảng khác của Việt Nam.

Điều 5. Thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử

1. Đối tượng áp dụng thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử

a) Tàu thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa;

b) Tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng;

c) Tàu thuyền được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép hoặc có văn bản cho phép đến cảng, bao gồm: Tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu thuyền vận chuyển chất phóng xạ; tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, văn hóa, thể thao, nghề cá, cứu hộ cứu nạn, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ, xây dựng, khảo sát và sửa chữa công trình biển; tàu thuyền nước ngoài đến vùng biển Việt Nam thực hiện các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên và hoạt động về môi trường;

d) Thuyền viên nước ngoài đi trên tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng;

đ) Tàu cá Việt Nam và thuyền viên Việt Nam áp dụng thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công được thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử khi Công an cửa khẩu cảng và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đáp ứng được cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và yêu cầu quản lý nghiệp vụ chuyên ngành.

2. Thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của pháp luật về cơ chế một cửa quốc gia.

3. Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố, người làm thủ tục được thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 6. Thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công

1. Đối tượng áp dụng thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công

a) Tàu cá Việt Nam;

b) Tàu thuyền nước ngoài vì lý do khẩn cấp xin vào tránh trú bão, cấp cứu thuyền viên, hành khách hoặc bị tai nạn;

c) Tàu thuyền không thực hiện được thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử do Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố;

d) Thuyền viên Việt Nam;

đ) Hành khách Việt Nam và nước ngoài.

2. Thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

a) Địa điểm thực hiện:

Tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc tại tàu theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải;

Ngoài các trường hợp thực hiện thủ tục tại tàu theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải, Công an cửa khẩu cảng thông báo, thống nhất với Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa thực hiện thủ tục kiểm soát tại tàu trong các trường hợp sau: Có người trốn trên tàu; tàu thuyền có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự; có căn cứ xác định việc khai báo không đầy đủ, không chính xác về thuyền viên, hành khách; có căn cứ xác định thuyền viên, hành khách sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế giả mạo để nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.

b) Thời hạn thực hiện và thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải;

c) Thuyền viên nước ngoài được sử dụng sổ thuyền viên để xuất trình khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh trong trường hợp không có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ trên hết giá trị sử dụng;

d) Khi làm thủ tục xuất cảnh cho tàu thuyền, người làm thủ tục phải nộp lại cho Công an cửa khẩu cảng Giấy phép đi bờ của thuyền viên (nếu có), trừ thuyền viên đi trên tàu thuyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

3. Thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công đối với tàu thuyền chuyển cảng

a) Địa điểm thực hiện: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đối với tàu thuyền chuyển cảng đi:

Thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải;

Khi làm thủ tục chuyển cảng đi cho tàu thuyền, người làm thủ tục phải nộp lại cho Công an cửa khẩu cảng Giấy phép đi bờ của thuyền viên (nếu có), trừ thuyền viên đi trên tàu thuyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

c) Đối với tàu thuyền chuyển cảng đến:

Chậm nhất 02 giờ, sau khi tàu thuyền đến, neo đậu an toàn tại cầu cảng; chậm nhất 04 giờ, sau khi tàu thuyền đến, neo đậu an toàn tại các vị trí khác trong vùng nước cảng, người làm thủ tục nộp hồ sơ chuyển cảng của Công an cửa khẩu cảng nơi tàu thuyền đi cho Công an cửa khẩu cảng hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu thuyền đến;

Chậm nhất 30 phút, Công an cửa khẩu cảng nơi tàu thuyền đến phải hoàn thành kiểm tra hồ sơ chuyển cảng, cho phép tàu thuyền chuyển cảng đến thực hiện bốc dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch.

4. Thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công đối với tàu thuyền, thuyền viên, hành khách đi trên tàu chở khách du lịch quốc tế

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chậm nhất 12 giờ, trước khi tàu đến cảng, doanh nghiệp lữ hành quốc tế đón khách phải nộp cho Công an cửa khẩu cảng các loại giấy tờ sau:

01 bản chính Chương trình du lịch của hành khách;

01 bản sao Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (lần đầu tiên đón khách tại cảng);

01 bản chính công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, trừ những hành khách mang hộ chiếu đã có thị thực Việt Nam và những hành khách mang hộ chiếu thuộc diện miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam (nếu có hành khách đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu cảng);

Trường hợp vì lý do khách quan không đủ thời gian để nộp bản chính, theo văn bản đề nghị của doanh nghiệp lữ hành quốc tế, Công an cửa khẩu cảng cho phép doanh nghiệp lữ hành quốc tế nộp bản fax hoặc bản sao để làm thủ tục cho hành khách; trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nộp bản fax hoặc bản sao, doanh nghiệp lữ hành phải nộp bản chính công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cho Công an cửa khẩu cảng;

Trường hợp hành khách được doanh nghiệp lữ hành quốc tế làm thủ tục đề nghị cấp thị thực tại một cửa khẩu cảng, nhưng do hành trình của tàu đến cửa khẩu cảng khác, Công an cửa khẩu cảng nơi tàu đến tiếp nhận công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và thực hiện cấp thị thực cho khách theo quy định, không yêu cầu phải làm thủ tục xin duyệt lại nhân sự.

c) Công an cửa khẩu cảng thực hiện cấp thị thực cho hành khách tại tàu theo quy định của pháp luật về nhập xuất cảnh;

d) Đối với tàu khách quốc tế được cấp giấy phép chở khách du lịch nội địa giữa các cửa khẩu cảng của Việt Nam:

Trước khi tàu đón khách, người làm thủ tục nộp cho Công an cửa khẩu cảng 01 bản sao giấy phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tàu đón khách du lịch nội địa giữa các cảng của Việt Nam; doanh nghiệp lữ hành nộp cho Công an cửa khẩu cảng 01 bản chính chương trình du lịch của khách du lịch nội địa và 01 bản chính danh sách hành khách;

Hành khách là người nước ngoài du lịch nội địa xuống tàu phải xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; hành khách là người Việt Nam du lịch nội địa xuống tàu phải xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

5. Thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công đối với tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền và người đi trên tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền

a) Địa điểm, thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Người đi trên tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền không có hộ chiếu thuyền viên hoặc sổ thuyền viên và không được định biên thuyền bộ theo quy định của pháp luật về hàng hải phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; thị thực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp khi nhập cảnh, trừ trường hợp thuộc diện được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam;

c) Người đi trên tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, du thuyền có hộ chiếu thuyền viên hoặc sổ thuyền viên và được định biên thuyền bộ theo quy định của pháp luật về hàng hải, thủ tục kiểm soát và hoạt động đi bờ thực hiện theo quy định đối với thuyền viên.

6. Thủ tục kiểm soát đối với tàu cá Việt Nam, thuyền viên, hành khách đi trên tàu cá Việt Nam đi khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam

a) Tàu cá Việt Nam đi khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam phải làm thủ tục xuất cảnh trước khi rời vùng biển Việt Nam và làm thủ tục nhập cảnh khi về đến khu vực biên giới biển Việt Nam;

b) Địa điểm thực hiện: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Thành phần hồ sơ:

Các loại giấy tờ người làm thủ tục xuất cảnh phải nộp: 02 bản chính Bản khai chung, Danh sách thuyền viên, Danh sách hành khách (nếu có), Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có), Bản khai người trốn trên tàu (nếu có);

Các loại giấy tờ người làm thủ tục nhập cảnh phải nộp: 01 bản chính các loại giấy tờ trên;

Các loại giấy người làm thủ tục xuất cảnh phải xuất trình: bản chính Giấy phép cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam do Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp; hộ chiếu phổ thông và sổ thuyền viên tàu cá của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có);

Các loại giấy người làm thủ tục nhập cảnh phải xuất trình: Hộ chiếu phổ thông và sổ thuyền viên tàu cá của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có);

Mẫu biểu các loại giấy tờ phải nộp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải;

Công an cửa khẩu cảng trả lại cho người làm thủ tục 01 bản chính các loại giấy tờ do người làm thủ tục nộp đã được kiểm chứng xuất cảnh.

d) Thời hạn thực hiện:

Chậm nhất 12 giờ, trước khi tàu dự kiến xuất cảnh, sau khi tàu nhập cảnh, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng các loại giấy tờ quy định tại các điểm c khoản 6 Điều này;

Chậm nhất 01 giờ, từ khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ người làm thủ tục nộp và xuất trình, Công an cửa khẩu cảng phải hoàn thành thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho tàu thuyền, thuyền viên, hành khách (nếu có).

Điều 7. Thời điểm hoàn thành thủ tục kiểm soát

1. Đối với tàu thuyền

a) Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục kiểm soát điện tử đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng;

b) Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công là thời điểm Công an cửa khẩu cảng thực hiện kiểm chứng xong vào bản khai chung đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh; niêm phong hồ sơ chuyển cảng đối với tàu thuyền chuyển cảng đi; tiếp nhận, kiểm tra xong hồ sơ chuyển cảng đối với tàu thuyền chuyển cảng đến.

2. Đối với thuyền viên, hành khách

a) Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục kiểm soát đối với thuyền viên nước ngoài đi trên tàu thuyền thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục kiểm soát điện tử đối tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng;

b) Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục kiểm soát đối với thuyền viên nước ngoài đi trên tàu thuyền thực hiện thủ tục kiểm soát theo cách thức thủ công là thời điểm Công an cửa khẩu cảng thực hiện kiểm chứng xong vào danh sách thuyền viên;

c) Thời điểm hoàn thành thủ tục kiểm soát đối với thuyền viên Việt Nam và hành khách là thời điểm Công an cửa khẩu cảng kiểm chứng xong vào hộ chiếu của thuyền viên, hành khách.

Điều 8. Trách nhiệm trong thực hiện thủ tục kiểm soát

1. Trách nhiệm của Công an cửa khẩu cảng

a) Thực hiện thủ tục kiểm soát 24/24 giờ hằng ngày;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và kiểm chứng theo quy định các loại giấy tờ do người làm thủ tục nộp và xuất trình;

c) Sau khi hoàn thành thủ tục kiểm soát, Công an cửa khẩu cảng trả lại giấy tờ do người làm thủ tục xuất trình, trừ trường hợp có quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm đối với giấy tờ đó theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc xử lý vi phạm hoặc tạm giữ giấy tờ cho đến khi cá nhân, tổ chức vi phạm chấp hành xong quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền được pháp luật quy định các đề nghị của người làm thủ tục.

2. Trách nhiệm của người làm thủ tục

a) Khai, nộp và xuất trình các loại giấy tờ theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các quyết định và yêu cầu của Công an cửa khẩu cảng theo quy định của pháp luật khi làm thủ tục kiểm soát;

c) Trước, trong hoặc sau khi làm thủ tục kiểm soát, nếu phát hiện người trốn trên tàu thuyền, thuyền trưởng phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết theo từng trường hợp và điều kiện cụ thể; tiến hành lập hồ sơ, bảo vệ tài liệu, vật chứng, quản lý, giám sát chặt chẽ người trốn trên tàu thuyền, đồng thời thông báo ngay cho Công an cửa khẩu cảng để phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

Mục 2
THỦ TỤC CẤP CÁC LOẠI GIẤY PHÉP

Điều 9. Các loại giấy phép do Công an cửa khẩu cảng cấp

1. Giấy phép xuống tàu

a) Giấy phép xuống tàu thời hạn 12 tháng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép xuống tàu thời hạn 03 tháng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Giấy phép theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Giấy phép đi bờ của thuyền viên theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 10. Cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên

1. Đối tượng được cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên

Thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh, thủ tục chuyển cảng đến, có nhu cầu đi bờ trong thời gian tàu thuyền neo đậu tại cửa khẩu cảng.

2. Giá trị sử dụng của Giấy phép đi bờ của thuyền viên

a) Chỉ có giá trị sử dụng trong một chuyến tàu;

b) Đối với thuyền viên nước ngoài trên tàu thuyền chuyên tuyến và tàu thuyền hoạt động tại vùng biển ngoài vùng nước cửa khẩu cảng, theo đề nghị của thuyền trưởng, Công an cửa khẩu cảng cho phép thuyền viên được sử dụng Giấy phép đi bờ của thuyền viên trong nhiều chuyến, tàu với thời hạn không quá 01 tháng, kể từ ngày cấp;

c) Người làm thủ tục có trách nhiệm thu hồi Giấy phép đi bờ của thuyền viên hết giá trị sử dụng để nộp lại cho Công an cửa khẩu cảng.

3. Thủ tục cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên

a) Người làm thủ tục đăng ký đề nghị đi bờ cho thuyền viên tại mục ghi chú trong Bản khai chung;

Trường hợp chưa đăng ký tại Bản khai chung, nếu thuyền viên có nhu cầu đi bờ, thuyền trưởng phải có văn bản đề nghị gửi Công an cửa khẩu cảng.

b) Ngay sau khi tiếp nhận đề nghị cho phép thuyền viên đi bờ, Công an cửa khẩu cảng thực hiện cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên tại trụ sở Công an cửa khẩu cảng;

c) Lệ phí cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 11. Cấp Giấy phép xuống tàu

1. Đối tượng được cấp Giấy phép xuống tàu

a) Giấy phép xuống tàu thời hạn 12 tháng:

Cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thường xuyên xuống tàu thuyền nước ngoài làm việc không quá 12 tháng, trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;

b) Giấy phép xuống tàu thời hạn 03 tháng:

Cấp cho người Việt Nam và người nước ngoài thuộc các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thường xuyên xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài làm việc không quá 03 tháng, trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

2. Giá trị sử dụng của Giấy phép xuống tàu

a) Giấy phép xuống tàu do một đơn vị Công an cửa khẩu cảng cấp chỉ có giá trị sử dụng tại cửa khẩu cảng do đơn vị Công an cửa khẩu cảng đó quản lý;

b) Khi hoạt động tại cửa khẩu cảng, người được cấp giấy phép có hành vi vi phạm pháp luật bị thu hồi Giấy phép xuống tàu.

3. Thủ tục cấp Giấy phép xuống tàu

a) Người đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu hoặc đại diện cơ quan, doanh nghiệp chủ quản nộp và xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng các loại giấy tờ sau:

Giấy tờ phải nộp: Giấy giới thiệu hoặc công văn đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu của cơ quan, doanh nghiệp chủ quản; 01 danh sách của người đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; riêng người đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu thời hạn 12 tháng phải nộp 01 ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm.

Giấy tờ phải xuất trình đối với người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;

b) Ngay sau khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ quy định tại điểm a khoản này, Công an cửa khẩu cảng thực hiện cấp Giấy phép xuống tàu;

c) Lệ phí cấp Giấy phép xuống tàu theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

4. Người được cấp Giấy phép xuống tàu phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định ghi trong Giấy phép xuống tàu.

5. Công an cửa khẩu cảng từ chối cấp Giấy phép xuống tàu và phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do đối với các trường hợp:

a) Vì lý do quốc phòng, an ninh;

b) Người đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu thuộc diện tạm hoãn xuất cảnh Việt Nam; sử dụng giấy tờ tùy thân giả mạo hoặc hết giá trị;

c) Cần thiết để bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phòng, chống dịch bệnh.

Điều 12. Cấp Giấy phép cho người Việt Nam và người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam neo đậu tại cảng; người điều khiển phương tiện Việt Nam, phương tiện nước ngoài cập mạn tàu thuyền nước ngoài; thuyền viên nước ngoài nghỉ qua đêm trên bờ hoặc xuống các tàu thuyền khác đang neo đậu tại cảng

1. Đối tượng được cấp Giấy phép

a) Người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng để thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan;

b) Người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam neo đậu tại cảng để thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan;

c) Người điều khiển phương tiện Việt Nam, nước ngoài cập mạn tàu thuyền nước ngoài;

d) Thuyền viên nước ngoài đề nghị nghỉ qua đêm trên bờ hoặc xuống các tàu thuyền khác đang neo đậu tại cảng.

2. Giá trị sử dụng của Giấy phép

a) Giấy phép cấp cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này có giá trị sử dụng trong một chuyến tàu thời hạn không quá 10 ngày;

b) Giấy phép cấp cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có giá trị sử dụng trong một chuyến tàu theo thời hạn ghi trong Giấy phép;

c) Người mang Giấy phép chỉ được xuống tàu thuyền nước ngoài được ghi trong Giấy phép; xuất trình Giấy phép kèm theo giấy tờ tùy thân có số giấy tờ được ghi trong Giấy phép cho lực lượng giám sát của Công an cửa khẩu cảng;

d) Đối với cán bộ, công nhân viên các cơ quan, doanh nghiệp, đại lý tàu biển làm việc, giao dịch với tàu thuyền hoạt động ngoài khơi, công nhân ở khu vực giàn khoan, theo đề nghị của cơ quan, doanh nghiệp chủ quản, Công an cửa khẩu cảng cho phép người mang Giấy phép được xuống tất cả các tàu thuyền nước ngoài neo đậu, hoạt động tại khu vực đó.

3. Thủ tục cấp Giấy phép:

a) Người đề nghị cấp Giấy phép hoặc đại diện cơ quan, doanh nghiệp chủ quản nộp và xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng các loại giấy tờ sau:

Giấy tờ phải nộp: Giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, doanh nghiệp chủ quản, giấy mời hoặc đơn đề nghị của thuyền trưởng; trường hợp cơ quan, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép cho từ 02 người trở lên: 01 danh sách trích ngang của người đề nghị cấp Giấy phép nội dung gồm: Họ tên; quốc tịch; nơi sinh; ngày, tháng, năm sinh; chức vụ; số của Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Giấy tờ phải xuất trình: Đối với người nước ngoài quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này: Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; đối với người Việt Nam quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này: Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu;

b) Ngay sau khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ quy định tại điểm a khoản này, Công an cửa khẩu cảng thực hiện cấp Giấy phép;

c) Lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

4. Người được cấp Giấy phép xuống tàu phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định ghi trong Giấy phép.

5. Công an cửa khẩu cảng từ chối cấp Giấy phép và phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do đối với các trường hợp sau:

a) Vì lý do quốc phòng, an ninh;

b) Người đề nghị cấp Giấy phép thuộc diện tạm hoãn xuất cảnh Việt Nam; sử dụng giấy tờ tùy thân giả mạo hoặc hết giá trị sử dụng;

c) Cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống dịch bệnh.

Mục 3
QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN

Điều 13. Người Việt Nam, người nước ngoài hoạt động tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý

1. Người Việt Nam xuống tàu thuyền nước ngoài, trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thực hiện nhiệm vụ, nhân viên y tế xuống tàu thuyền nước ngoài để cấp cứu cho thuyền viên, hành khách; người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài, tàu thuyền Việt Nam để làm việc, thực hiện các hoạt động trong thời gian tàu thuyền neo đậu tại cửa khẩu cảng phải có giấy phép do Công an cửa khẩu cảng cấp theo quy định tại các Điều 11, Điều 12 Nghị định này và phải chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng.

2. Người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý

a) Phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;

b) Phải chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và các lực lượng chức năng liên quan;

c) Chậm nhất 12 giờ, trước khi người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cảng, cơ quan, doanh nghiệp đón tiếp phải thông báo bằng văn bản cho Công an cửa khẩu cảng về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức người nước ngoài làm việc; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc làm việc, nội dung công việc, nơi làm việc tại cửa khẩu cảng.

3. Người Việt Nam, người nước ngoài không được phép xuống, rời tàu thuyền trước và trong khi tàu thuyền làm thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến, trong và sau khi tàu thuyền làm thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi, trừ cán bộ, nhân viên của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, hoa tiêu, người làm thủ tục đang thực hiện nhiệm vụ, nhân viên y tế xuống tàu khám, chữa bệnh cho thuyền viên, hành khách.

4. Đối với tàu thuyền thực hiện thủ tục kiểm soát điện tử cảng biển, ngay sau khi tàu thuyền neo đậu an toàn tại cảng, người Việt Nam, người nước ngoài có liên quan được phép xuống, rời tàu thuyền để thực hiện các hoạt động phục vụ bốc dỡ hàng hóa và các hoạt động theo chương trình, kế hoạch cho đến khi tàu thuyền rời cảng.

5. Thuyền viên, hành khách không đủ điều kiện nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, không được phép rời tàu thuyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Thuyền trưởng có trách nhiệm quản lý những thuyền viên, hành khách này tại tàu cho đến khi tàu thuyền rời khỏi vùng biển Việt Nam.

Điều 14. Thuyền viên, hành khách trên tàu thuyền chưa làm thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến phải đưa đi cấp cứu tại các cơ sở y tế của Việt Nam

1. Trước khi tàu thuyền đến cảng, người làm thủ tục phải thông báo cho Công an cửa khẩu cảng nơi tàu thuyền đến về số lượng, tình trạng sức khỏe của thuyền viên, hành khách phải đi cấp cứu; thời gian tàu thuyền đến cảng, vị trí neo đậu tại cảng.

2. Sau khi đưa thuyền viên, hành khách đi cấp cứu, người làm thủ tục phải đến Công an cửa khẩu cảng khai báo đầy đủ thông tin về thuyền viên, hành khách để làm thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến cho thuyền viên, hành khách theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp thuyền viên, hành khách ra viện không trở lại tàu thuyền, có nhu cầu xuất cảnh qua cửa khẩu khác, trước khi tàu thuyền rời cảng, thuyền trưởng phải có văn bản đề nghị cho thuyền viên, hành khách xuất cảnh qua cửa khẩu khác và xuất trình giấy ra viện hoặc giấy chuyển viện của thuyền viên, hành khách cho Công an cửa khẩu cảng để làm thủ tục xuất cảnh qua cửa khẩu khác cho thuyền viên, hành khách theo quy định.

4. Trường hợp thuyền viên nước ngoài phải đưa đi cấp cứu tại các cơ sở y tế ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu thuyền neo đậu, sau khi đưa thuyền viên đi cấp cứu, người làm thủ tục phải đến Công an cửa khẩu cảng để làm thủ tục đề nghị cấp thị thực cho thuyền viên không thuộc diện được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam.

Điều 15. Thuyền viên, hành khách nước ngoài không đủ điều kiện nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam phải đi cấp cứu tại các cơ sở y tế của Việt Nam

1. Sau khi đưa thuyền viên, hành khách đi cấp cứu, thuyền trưởng phải có văn bản gồm các nội dung sau đây gửi Công an cửa khẩu cảng:

a) Khai báo đầy đủ thông tin, tình trạng sức khỏe của thuyền viên, hành khách;

b) Cam kết chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến chữa bệnh cho thuyền viên, hành khách, giám sát của các cơ quan chức năng Việt Nam và chi phí cho hoạt động rời khỏi lãnh thổ Việt Nam của thuyền viên, hành khách sau khi ra viện.

2. Công an cửa khẩu cảng tiếp nhận văn bản của thuyền trưởng, lập hồ sơ vụ việc, không làm thủ tục nhập cảnh đối với thuyền viên, hành khách; thông báo cho các cơ quan chức năng liên quan; cử cán bộ thực hiện giám sát trong thời gian thuyền viên, hành khách chữa bệnh.

3. Trong thời gian chữa bệnh, thuyền viên, hành khách không được tự ý rời khỏi cơ sở y tế nơi chữa bệnh và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng.

4. Khi ra viện, thuyền viên, hành khách bị buộc xuất cảnh

a) Trường hợp tàu thuyền chưa xuất cảnh, Công an cửa khẩu cảng phối hợp với người làm thủ tục đưa thuyền viên, hành khách trở lại tàu thuyền để xuất cảnh theo tàu;

b) Trường hợp tàu thuyền đã xuất cảnh, thuyền viên, hành khách bị buộc xuất cảnh qua cửa khẩu khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 16. Thuyền viên nước ngoài đi bờ

1. Trong thời gian tàu thuyền neo đậu tại cửa khẩu cảng, hằng ngày, thuyền viên nước ngoài được phép đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu thuyền neo đậu đến 24 giờ, không phải đề nghị cấp thị thực, nhưng phải có Giấy phép đi bờ của thuyền viên do Công an cửa khẩu cảng cấp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Thuyền viên được phép đi bờ sau khi tàu thuyền đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến và phải trở về tàu trước khi tàu thuyền làm thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi.

Riêng đối với tàu thuyền thực hiện thủ tục kiểm soát điện tử cảng biển, thuyền viên được phép đi bờ ngay sau khi tàu thuyền neo đậu an toàn tại cảng.

Thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm trong trường hợp thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi bị chậm trễ do thuyền viên đi bờ chưa trở về tàu.

3. Thuyền viên đi bờ hoặc xuất cảnh qua các cửa khẩu khác

a) Khi đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu thuyền neo đậu:

Thuyền viên phải mang theo Giấy phép đi bờ của thuyền viên và giấy tờ tùy thân đã khai báo, xuất trình khi làm thủ tục nhập cảnh; chấp hành hướng dẫn và chịu sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng; tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thuyền viên nghỉ qua đêm trên bờ phải có đơn đề nghị của thuyền trưởng và được Công an cửa khẩu cảng cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

b) Khi đi bờ ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu thuyền neo đậu hoặc xuất cảnh qua cửa khẩu khác:

Thuyền viên phải có thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực và tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh. Công an cửa khẩu cảng cấp thị thực theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh.

Trường hợp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên hết giá trị sử dụng hoặc không có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, thuyền viên được sử dụng sổ thuyền viên để nhập cảnh, xuất cảnh.

4. Thuyền viên đi bờ có hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 17. Tàu thuyền và các loại phương tiện khác hoạt động tại cửa khẩu cảng

1. Tàu thuyền Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh; tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng phải được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và qua đúng cửa khẩu, luồng hàng hải, tuyến quá cảnh, khu vực quá cảnh.

2. Phương tiện Việt Nam và nước ngoài, trừ phương tiện của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, hoa tiêu, phương tiện lai dắt đang thực hiện nhiệm vụ, không được cập mạn tàu thuyền trước và trong khi tàu thuyền đó làm thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến, trong và sau khi tàu thuyền làm thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi.

Đối với tàu thuyền thực hiện thủ tục kiểm soát điện tử cảng biển, ngay sau khi tàu thuyền neo đậu an toàn tại cảng, phương tiện Việt Nam, nước ngoài có liên quan được phép cập mạn tàu thuyền để thực hiện các hoạt động phục vụ bốc dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch cho đến khi tàu thuyền đó rời cảng.

3. Các loại phương tiện khác ra, vào, hoạt động tại cửa khẩu cảng phải chấp hành các quy định của Nghị định này, các quy định của pháp luật có liên quan; chịu sự kiểm soát, kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng và các lực lượng chức năng.

Điều 18. Tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng

1. Tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng

a) Tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa phải làm thủ tục đến, rời cảng theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải và chịu sự kiểm soát, kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng trong thời gian neo đậu tại cửa khẩu cảng;

b) Phương tiện thủy nội địa phải đăng ký đi, đến và chịu sự kiểm soát, kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng trong thời gian neo đậu tại cửa khẩu cảng.

2. Trong quá trình đi, đến, hoạt động tại cửa khẩu cảng, thuyền trưởng tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa phải cung cấp cho Công an cửa khẩu cảng thông tin về phương tiện, hàng hóa, các thông tin khác có liên quan đến an ninh, trật tự khi có yêu cầu.

3. Địa điểm làm thủ tục, đăng ký đi, đến

Tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

4. Thời hạn làm thủ tục, đăng ký đi, đến

a) Đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa:

Chậm nhất 02 giờ, sau khi phương tiện thủy nội địa neo đậu an toàn tại cầu cảng; chậm nhất 04 giờ, sau khi phương tiện thủy nội địa neo đậu an toàn tại các vị trí khác trong vùng nước cảng, thuyền trưởng hoặc chủ tàu, người được ủy quyền (sau đây viết chung là người đăng ký) phải đăng ký đến cho phương tiện thủy nội địa đến cảng.

Chậm nhất 01 giờ, trước khi phương tiện thủy nội địa dự kiến rời cửa khẩu cảng, người đăng ký phải đăng ký đi cho phương tiện thủy nội địa rời cảng.

Chậm nhất 30 phút, từ khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ mà người đăng ký nộp và xuất trình theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công an cửa khẩu cảng phải hoàn thành đăng ký đến, đi cho phương tiện thủy nội địa và trả lại 01 bản khai các loại giấy tờ có đóng dấu kiểm soát đến, đi mà người đăng ký đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

5. Các loại giấy tờ người làm thủ tục, người đăng ký phải nộp và xuất trình cho Công an cửa khẩu cảng khi làm thủ tục, đăng ký đến, đi cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa

a) Giấy tờ phải nộp:

Đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động hàng hải.

Đối với phương tiện thủy nội địa: 02 bản chính Danh sách thuyền viên, 02 bản chính Danh sách hành khách (nếu có);

b) Giấy tờ phải xuất trình:

Đối với thuyền viên: Sổ thuyền viên hoặc hộ chiếu thuyền viên.

Đối với hành khách (nếu có): Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc thẻ Căn cước.

6. Khi thực hiện thủ tục, đăng ký, kiểm tra, giám sát đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa, Công an cửa khẩu cảng được kiểm tra:

a) Sổ nhật ký hành trình;

b) Giấy tờ liên quan đến hàng hóa nếu có hàng hóa trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa, bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa; hợp đồng mua bán hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; giấy phép vận chuyển của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với các loại hàng hóa vận chuyển có điều kiện khi phát hiện dấu hiệu vi phạm;

c) Người làm thủ tục, người đăng ký có trách nhiệm xuất trình các loại giấy tờ quy định tại các điểm a, b khoản này khi Công an cửa khẩu cảng yêu cầu.

7. Đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa làm thủ tục, đăng ký đến, đi bằng cách thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của Cơ chế một cửa quốc gia, người đăng ký không phải nộp các loại giấy tờ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, chỉ xuất trình các loại giấy tờ quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

8. Trong quá trình đăng ký, kiểm soát, kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định thông tin khai báo về phương tiện, thuyền viên, hành khách, hàng hóa không đầy đủ, không chính xác, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu cảng ra quyết định kiểm tra trực tiếp tại phương tiện và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

2. Chỉ đạo lực lượng Công an cửa khẩu cảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng và triển khai thực hiện quy chế phối hợp tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý; triển khai thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động kiểm soát xuất nhập cảnh, cấp các loại giấy phép, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện ra, vào, hoạt động tại cửa khẩu cảng.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và các bộ, ngành liên quan

1. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

2. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Bộ Công an trong công tác quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, lực lượng thuộc quyền phối hợp chặt chẽ với Công an cửa khẩu bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục
MẪU GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU; MẪU GIẤY PHÉP; MẪU GIẤY PHÉP ĐI BỜ CỦA THUYỀN VIÊN; DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU
(Kèm theo Nghị định số 289/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01: Giấy phép xuống tàu thời hạn 12 tháng

Mẫu số 02: Giấy phép xuống tàu thời hạn 03 tháng

Mẫu số 03: Giấy phép

Mẫu số 04: Giấy phép đi bờ của thuyền viên

Mẫu số 05: Danh sách đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu

Mẫu số 01

1. Mẫu

Mặt trước

CACK CẢNG...

GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU

Số: ……./GPXT

Ngày hết hạn:

HỌ VÀ TÊN:

NĂM SINH:

QUỐC TỊCH:

CƠ QUAN:

Ảnh
(2 x 3)

Được phép xuống tàu nước ngoài neo đậu tại ……..

Ngày tháng năm
TRƯỞNG TRẠM CACK CẢNG

Mặt sau

CHÚ Ý

- Phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam, xuất trình Giấy phép xuống tàu khi qua nơi kiểm soát và chịu sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng tại khu vực tàu neo đậu.

- Giữ gìn bí mật quốc gia.

- Không mua bán, trao đổi hàng hóa với thuyền viên, hành khách nước ngoài.

- Không vận chuyển thư từ, tài liệu, hàng hóa trái phép lên xuống tàu.

- Khi thay đổi công tác hoặc Giấy phép xuống tàu hết hạn phải trả lại giấy phép cho cơ quan cấp.

2. Quy cách

- Kích thước: 6,5 cm x 8,5 cm (± 0,5 mm).
- Loại giấy trắng: ≥ 80%.
- Độ dày của giấy: ≥ 120 g/m^2.
- Đóng khung cỡ 4 ½ pt cách đều mép giấy 1 mm.

3. Kiểu chữ

a) Mặt trước:

- "CACK CẢNG…": in kiểu chữ Arial hoa, đứng, cỡ 9.
- "GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 12.
- "Số: /GPXT": In kiểu chữ Arial, đứng, cỡ 9.
- *"Ngày hết hạn"*: In kiểu chữ Arial thường, nghiêng, cỡ 9.
- "HỌ VÀ TÊN", "NĂM SINH", "QUỐC TỊCH", "CƠ QUAN": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, cỡ 8.
- "Được phép xuống tàu nước ngoài neo đậu tại cảng...": In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.
- "Ngày tháng năm": In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.
- "TRƯỞNG TRẠM CACK": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 10.

b) Mặt sau:

- "CHÚ Ý": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 12.
- Nội dung còn lại: In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.

4. Nội dung và bố cục

Như trình bày tại mẫu trên

Mẫu số 02

1. Mẫu

Mặt trước

CACK CẢNG...

GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU

Số: ……./GPXT *Ngày hết hạn:*

HỌ VÀ TÊN:

NĂM SINH:

QUỐC TỊCH:

SỐ CC/HỘ CHIẾU

CƠ QUAN:

Được phép xuống tàu nước ngoài neo đậu tại:
……..

Ngày tháng năm
TRƯỞNG TRẠM CACK

Mặt sau

CHÚ Ý

- Phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam, xuất trình Giấy phép xuống tàu kèm CC/hộ chiếu khi qua nơi kiểm soát và chịu sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng tại khu vực tàu neo đậu.

- Giữ gìn bí mật quốc gia.

- Không mua bán, trao đổi hàng hóa với thuyền viên, hành khách nước ngoài.

- Không vận chuyển thư từ, tài liệu, hàng hóa trái phép lên xuống tàu.

- Khi thay đổi công tác hoặc Giấy phép xuống tàu hết hạn phải trả lại giấy phép cho cơ quan cấp.

2. Quy cách

- Kích thước: 6,5 cm x 8,5 cm (± 0,5 mm).
- Loại giấy trắng: ≥ 80%.
- Độ dày của giấy: ≥ 120 g/m^2.
- Đóng khung cỡ 4 ½ pt cách đều mép giấy 1 mm.

3. Kiểu chữ

a) Mặt trước:

- "CACK CẢNG…": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, cỡ 9.
- "GIẤY PHÉP XUỐNG TÀU": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 12.
- "Số: ……./GPXT": In kiểu chữ Arial, đứng, cỡ 9.
- *"Ngày hết hạn"*: In kiểu chữ Arial thường, nghiêng, cỡ 9.
- "HỌ VÀ TÊN", "NĂM SINH", "QUỐC TỊCH", "CƠ QUAN", "SỐ CC/HỘ CHIẾU": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, cỡ 8.
- "Được phép xuống tàu nước ngoài neo đậu tại...": In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.
- "Ngày tháng năm": In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.
- "TRƯỞNG TRẠM CACK": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 10.

b) Mặt sau:

- "CHÚ Ý": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 12.
- Nội dung còn lại: In kiểu chữ Arial thường, đứng, cỡ 9.

4. Nội dung và bố cục

Như trình bày tại mẫu trên

Mẫu số 03

1. Mẫu

CACK CẢNG…… **-------** Số: …../GP	**GIẤY PHÉP-PERMIT** *Ngày hết hạn/Date of expiry:*
Họ và tên/Full name: Quốc tịch/Nationality: Số GCM-HC/ID-Passport N°: Địa chỉ-Tên, ĐK phương tiện: Address/Ship's name/Reg. Nº: Được phép/ Is Allowed: Phạm vi/Scope: _____	
Lưu ý: *Xuất trình Giấy phép kèm Căn cước/Hộ chiếu, hồ sơ phương tiện cập mạn và chịu sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng tại khu vực hoạt động*	Ngày tháng năm **TRƯỞNG TRẠM CACK**

2. Quy cách

- Kích thước: 08 cm x 12 cm (± 0,5 mm).
- Loại giấy trắng: ≥ 80%.
- Độ dày của giấy: ≥ 80 gms.
- Đóng khung cỡ 4 ½ pt cách đều mép giấy 1 mm.

3. Kiểu chữ

- "CACK CẢNG": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 10.
- "GIẤY PHÉP-PERMIT": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 13.
- "Số: /GP": in kiểu chữ Arial, cỡ 10.
- *"Ngày hết hạn/ Date of expiry"*: In kiểu chữ Arial thường, nghiêng, cỡ 10.
- Các mục còn lại: In kiểu chữ Arial thường, cỡ 9.
- Mục lưu ý in kiểu chữ Arial thường, nghiêng, cỡ 8.
- "Ngày tháng năm": In kiểu chữ Arial thường, cỡ 10.
- "TRƯỞNG TRẠM CACK": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 10.

4. Nội dung và bố cục

Như trình bày tại mẫu trên.

Mẫu số 04

1. Mẫu

CACK CẢNG ……. **GIẤY PHÉP ĐI BỜ CỦA THUYỀN VIÊN**
--------- **SHOREPASS**

Số/N°: / /**TV** A00000013

Tên tàu/Ship's name:

Ngày đến cảng/Date of arrival:

Họ tên/Full name:

Năm sinh/Date of birth: Quốc tịch/Nationality:

Số hộ chiếu/Passport N°:

Phạm vi tỉnh (TP)/Scope Province (City):

Đến/To **24.00** hằng ngày/daily.

Ngày tháng năm
TRƯỞNG TRẠM CACK

Note:

This shorepass should be presented with the passport to the border security office when disembark or embark.

2. Quy cách

- Kích thước: 8 cm x 12 cm (± 0,5 mm).
- Loại giấy trắng: ≥ 80%.
- Độ dày của giấy: ≥ 80 gms.
- Đóng khung cỡ 4 ½ pt cách đều mép giấy 2 mm màu xanh lá cây nhạt, nền in hình quốc huy ở giữa kèm hoa văn bảo vệ sắp xếp theo hướng đồng tâm.

3. Kiểu chữ

- "CACK CẢNG": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 11 pt.
- "GIẤY PHÉP ĐI BỜ CỦA THUYỀN VIÊN": In kiểu chữ Arial hoa, đậm, cỡ 14 pt.
- "SHOREPASS": In kiểu chữ Arial hoa, đứng, đậm, cỡ 10 pt.
- Nội dung các mục in kiểu chữ Arial đứng, thường, cỡ 10 pt.
- Mục lưu ý in kiểu chữ Arial nghiêng thường, cỡ 8 pt.

4. Nội dung và bố cục

Như trình bày tại mẫu trên

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN DOANH NGHIỆP
_____

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

...(1)..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH
Đề nghị cấp Giấy phép xuống tàu

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Nơi sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Số giấy tờ tùy thân ..(2)..			Thời hạn hợp đồng lao động	Ghi chú
						Loại giấy tờ	Ngày cấp	Ngày hết hạn		
1										
2										

Nơi nhận:
- CACK cảng ..(3)..;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Số của một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Căn cước, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu;

(3) Tên đơn vị Công an cửa khẩu cảng nơi đề nghị cấp giấy phép xuống tàu.